GIẢI PHÁP TẠO VIỆC LÀM PHI NÔNG NGHIỆP CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG Ở NÔNG THÔN TỈNH TRÀ VINH

Nguyễn Thị Cẩm Loan[1], Bùi Văn Trịnh[2], Huỳnh Thanh Nhã[3]

TÓM TẮT

Kết quả phân tích cho thấy lao động nông thôn có nhiều cơ hội chuyển sang làm phi nông nghiệp mặc dù có những rào cản lớn do trình độ văn hóa và chuyên môn kỹ thuật thấp, nhu cầu về lao động có trình độ cao, sự tăng dân số và sự yếu kém của thông tin thị trường lao động...; để tạo việc làm phi nông nghiệp cho lao động ở nông thôn, cần giải quyết trọng điểm các vấn đề sau: (1) tạo ra cơ hội giúp lao động nông thôn tiếp cận được việc làm phi nông nghiệp, đó là: phát triển mạng lưới đào tạo và đa dạng hóa các hoạt động đào tạo; thu hút và khuyến khích đầu tư nước ngoài vào các khu công nghiệp tại địa phương; phát triển các ngành công nghiệp, dịch vụ và du lịch; phát triển các trang trại ở nông thôn; phát tiển công nghệ thông tin, đặc biệt là internet và (2) nâng cao điểm mạnh và tối thiểu hóa điểm yếu cho lao động nông thôn, đó là: xây dựng chiến lược phát triển thu nhập, chiến lược cải thiện và phát triển bản thân thông qua chương trình đào tạo, tìm kiếm sự hỗ trợ của chính sách việc làm và lựa chọn việc làm phù hợp.

Từ khóa: *Giải pháp việc làm, việc làm nông thôn, việc làm phi nông nghiệp.*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hiện nay, tỉnh Trà Vinh vẫn còn là tỉnh chưa được thoát nghèo; sản xuất nông nghiệp lạc hậu, thu nhập thấp, điều kiện sống còn khó khăn; kiến thức sản xuất hàng hóa của người dân nông thôn thấp và có khoảng cách xa so với các tỉnh vùng đồng bằng sông Cửu Long; tập quán canh tác tự cấp, tự túc và tự phát cao, lao động chưa tốt nghiệp tiểu học chiếm 31,5%, lao động qua đào tạo chiếm 37%, còn một lượng lớn lao động nông thôn không được tiếp cận rộng rãi với giáo dục, y tế, bảo hiểm xã hội, không có khả năng tích lũy.

Còn 3,5% lao động nông thôn thiếu việc làm; nguồn vốn trong dân đầu tư cho tạo việc làm mới ngoài nông nghiệp hạn chế. Kỹ thuật và kỹ năng nghề nghiệp của người nông dân chưa đáp ứng được yêu cầu của các hoạt động công nghiệp và dịch vụ ở khu vực phi nông nghiệp, kể cả các làng nghề truyền thống. Vì vậy, giải quyết việc làm cho lao động nông thôn tỉnh Trà Vinh vẫn còn là một bài toán chưa có lời giải trọn vẹn.

Mục tiêu bài viết nhằm đề xuất các giải pháp giải quyết việc làm cho lao động nông thôn trong lĩnh vực phi nông nghiệp, góp phần cải thiện việc làm cho lao động nông thôn tỉnh Trà Vinh, giúp giảm các vấn đề bức xúc ở nông thôn và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Phương pháp thu thập số liệu

Số liệu thứ cấp được thu thập từ Niên giám Thống kê tỉnh Trà Vinh các năm 2010 – 2014; báo cáo tổng kết tình hình việc làm của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tỉnh Trà Vinh các năm 2006, 2010 – 2014; báo cáo của Sở Công thương về khôi phục và phát triển làng nghề tỉnh Trà Vinh năm 2013; một số bài báo khoa học có liên quan đăng trên các tạp chí khoa học cũng được tham khảo.

Số liệu sơ cấp được thực hiện thông qua việc tổ chức hội thảo lấy ý kiến của các chuyên gia trong lĩnh vực lao động, việc làm, kinh tế, xã hội ở địa phương.

2.2. Phương pháp phân tích số liệu

Phương pháp so sánh được thực hiện để làm rõ thực trạng lao động nông thôn tỉnh Trà Vinh trong việc chuyển đổi từ việc làm nông nghiệp sang việc làm phi nông nghiệp; phân tích SWOT để phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và nguy cơ cho lao động nông thôn khi tham gia vào việc làm phi nông nghiệp.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Thực trạng lao động nông thôn tỉnh Trà Vinh trong việc chuyển đổi từ việc làm nông nghiệp sang việc làm phi nông nghiệp

[1] NCS Kinh tế Nông nghiệp, Trường Đại học Cần Thơ
[2] Trường Đại học Cần Thơ
[3] Trường Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật Cần Thơ

3.1.1. Trình độ học vấn và trình độ chuyên môn kỹ thuật của lao động nông thôn tỉnh Trà Vinh

a) Trình độ học vấn của lao động nông thôn

Kết quả ở bảng 1 cho thấy, trình độ văn hóa của lực lượng lao động nôn thôn có xu hướng được cải thiện. Cơ cấu lực lượng lao động chưa đi học năm 2014 giảm so với năm 2006. Tỷ lệ lao động tốt nghiệp trung học phổ thông tăng từ 14,64% năm 2006 lên 18,45% năm 2010 và 19,6% vào năm 2014. Tuy nhiên, trình độ văn hóa của lao động ở Trà Vinh vẫn còn thấp so với cả nước (tỷ lệ lực lượng lao động có trình độ trung học phổ thông của lực lượng lao động cả nước là 26,4%. Tính toán của Viện Khoa học Lao động và Xã hội từ số liệu điều tra lao động – việc làm năm 2012).

Bảng 1. Lực lượng lao động nông thôn chia theo trình độ học vấn năm 2006 -2014

Chỉ tiêu	2006		2010		2014	
	Số lượng *(Nghìn người)*	Cơ cấu *(%)*	Số lượng *(Nghìn người)*	Cơ cấu *(%)*	Số lượng *(Nghìn người)*	Cơ cấu *(%)*
Tổng số	501,20	100,00	505,80	100,00	510,80	100,00
Chưa đi học	49,02	9,78	35,25	6,97	26,05	5,10
Chưa tốt nghiệp tiểu học	37,99	7,58	118,36	23,40	134,85	26,40
Tốt nghiệp tiểu học	224,99	44,.89	166,10	32,84	160,90	31,50
Tốt nghiệp THCS	115,88	23,12	92,76	18,34	88,88	17,40
Tốt nghiệp THPT	73,33	14,63	93,32	18,45	100,12	19,60

Nguồn: Sở Lao động- Thương binh và Xã hội Trà Vinh và tính toán từ số liệu điều tra lao động việc làm 2006, 2010, 2014.

b) Trình độ chuyên môn – kỹ thuật của lao động nông thôn

Số liệu tính toán ở bảng 2 cho thấy: tỷ lệ lao động có trình độ chuyên môn – kỹ thuật tỉnh Trà Vinh còn thấp so với cả nước. Tỷ lệ lao động năm 2006 có bằng cao đẳng, đại học chiếm 2,69%, năm 2010 chiếm 4,57%, năm 2014 chiếm 6,19%, thấp so với cả nước năm 2012 (cả nước chiếm 8,26%). Lao động không có trình độ chuyên môn thấp hơn so với cả nước; cụ thể lao động không có trình độ chuyên môn kỹ thuật năm 2006 chiếm 83,68%, năm 2010 chiếm 83,28%, nhưng đến năm 2014 con số này giảm còn 59,66%, thấp hơn so với cả nước năm 2012 (cả nước chiếm 83,28%); lao động qua đào tạo nghề ở nông thôn chiếm tỷ lệ khá cao so với cả nước, năm 2006 chiếm 11,99%, năm 2010 chiếm 21,84%, năm 2014 chiếm 30,46% (cả nước chỉ chiếm 4,84% vào năm 2012), tốc độ tăng trưởng trung bình của loại hình đào tạo này chiếm cao nhất trong các hình thức đào tạo khác. Số liệu được trình bày ở bảng 2 cho thấy trình độ chuyên môn kỹ thuật của lao động nông thôn tỉnh Trà Vinh chỉ đáp ứng nhu cầu trung bình cho các doanh nghiệp tại tỉnh, điều này cũng là một trở ngại cho lao động nông thôn tỉnh Trà Vinh trong việc tiếp cận những công việc đòi hỏi trình độ chuyên môn – kỹ thuật cao.

Bảng 2. Trình độ chuyên môn – kỹ thuật của lao động nông thôn tỉnh Trà Vinh

Đơn vị: %

Trình độ Chuyên môn – Kỹ thuật	2006	2010	2014	Tốc độ tăng trưởng		Tốc độ tăng trưởng TB
				2010/2006	2014/2006	
Lao động không có chuyên môn kỹ thuật	83,68	71,08	59,66	84,94	71,30	78,20
Qua đào tạo nghề	11,99	21,84	30,46	182,15	253,98	218,4
Trung cấp chuyên nghiệp	1,64	2,51	3,69	169,89	225.12	184.17
Cao đẳng/ĐH trở lên	2,69	4,57	6,19	84,94	230.23	199.06

Tổng	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00
- Lao động không có chuyên môn kỹ thuật cả nước năm 2012 *						83,28
- Lao động có chuyên môn kỹ thuật cả nước năm 2012*						
- Qua đào tạo nghề						4,84
- Trung cấp chuyên nghiệp						3,61
- Cao đẳng/Đại học						8,26

*Nguồn: Sở Lao động- Thương binh và Xã hội Trà Vinh và tính toán từ số liệu điều tra lao động - việc làm hàng năm. *Tổng cục Thống kê ước tính năm 2012*

3.1.2. Những xu hướng tất yếu trong việc chuyển đổi từ việc làm nông nghiệp sang việc làm phi nông nghiệp ở tỉnh Trà Vinh

a) Khôi phục và phát triển làng nghề

Tỉnh Trà Vinh có khoảng 20 làng nghề truyền thống như làng nghề mây, tre, đan lát, dệt chiếu, thảm ở nông thôn đã phục hồi, phát triển làng nghề được nhiều tỉnh trong vùng lựa chọn là khâu đột phá để phát triển kinh tế - xã hội. Khôi phục và phát triển làng nghề ở nông thôn sẽ thu hút được một lượng lớn lao động dôi dư và lao động thời vụ thuộc nhiều lứa tuổi ở nông thôn; góp phần giảm bớt thời gian lao động nông nhàn, đồng thời hạn chế được các tệ nạn xã hội có xu hướng phát triển mạnh ở địa phương như nạn cờ bạc, rượu chè, nghiện hút; từ đó giảm bớt được sức ép cho các đô thị, các thành phố lớn do dòng di dân từ nông thôn ra tìm việc làm và góp phần quan trọng vào việc giữ vững trật tự an toàn xã hội tại địa phương và các trung tâm đô thị lớn. Làng nghề ở Trà Vinh cũng đã thu hút hơn 3.000 lao động ở nông thôn.

Bảng 3. Lao động làm việc tại làng nghề ở Trà Vinh

Tên làng nghề	Số hộ tham gia (hộ)	Lương (đồng)	Xã	Sản phẩm
1. Dệt chiếu, thảm, se sợi tơ, xơ dừa	1.477	1.100.000	Đức Mỹ, Càng Long	Chiếu, thảm
2. Đan đát Đại An	649	1.025.000	Đại An, Trà Cú	Cần xé, rọ, xà ngôm, thúng, ky)
3. Đan lát, dệt mành tre, se sợi, tranh ghép gỗ	863	1.100.000	Hưng Mỹ, Châu Thành	Chiếu, thảm, tranh ghép gỗ, đan giỏ, chậu hoa
4. Đan lát, thủ công mỹ nghệ	697	1.300.000	Lương Hòa, Châu Thành	Bánh tráng, điêu khắc gỗ, lưới sơ dừa
5. Sơ chế biến thủy sản xóm đáy	349	1.500.000	Đông Hải, Duyên Hải	Tôm khô, cá khô
6. Trồng hoa kiểng ấp Vĩnh Yên	148	1.550.000	Long Đức, TP Trà Vinh	Chậu hoa, hoa kiểng
7. Trồng hoa kiểng ấp Long Bình	136	1.550.000	TP Trà Vinh	Hoa kiểng

Nguồn: Sở Công thương tỉnh Trà Vinh năm 2013.

b) Việc hình thành khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu kinh tế

Theo Quyết định số 438/QĐ-TTg ngày 24 tháng 3 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ, danh mục dự án ưu tiên nghiên cứu đầu tư thời kỳ 2011-2020 của tỉnh Trà Vinh, trong đó có dự án lớn, trọng điểm đã được xây dựng:

- Xây dựng 6 hạ tầng khu công nghiệp như: Cầu Quan, Long Đức, Cổ Chiên, khu kinh tế Định An, xây dựng hạ tầng khu phi thuế quan trong khu kinh tế Định An, hạ tầng cụm công nghiệp các huyện, thành phố và đầu tư 15 công trình thuộc lĩnh vực công nghiệp và 11 công trình thuộc lĩnh vực dịch vụ, thương mại và du lịch: Trung tâm Điện lực Duyên Hải, công nghiệp đóng mới và sửa chữa tàu thủy, công nghiệp thép, công nghiệp lọc hóa dầu, nhà máy chế biến thủy hải sản xuất khẩu, nhà máy chế biến bột cá tại khu kinh tế Định An, nhà máy chế biến nông sản xuất khẩu, nhà máy chế biến gia súc, gia

cầm, nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi, nhà máy lắp ráp linh kiện điện tử, nhà máy giày da xuất khẩu, nhà máy may mặc xuất khẩu, nhà máy sản xuất các sản phẩm nhựa và compozit, nhà máy gạch ngói Châu Thành và Càng Long,...

Nhận định: việc đầu tư, xây dựng các công trình, dự án lớn, trọng điểm như trên giúp phát huy tiềm năng, lợi thế trước mắt và lâu dài tại tỉnh Trà Vinh. Từ đó, tạo ra một số nhu cầu công việc mới và mang đến nhiều cơ hội việc làm cho người lao động tại tỉnh Trà Vinh.

c) Nhu cầu lao động ở tỉnh Trà Vinh đến năm 2020

Từ năm 2015 đến 2020 nhu cầu lao động của tỉnh Trà Vinh là 750,7 nghìn người - 776,2 nghìn người. Lao động làm việc trong lĩnh vực công nghiệp – xây dựng tương ứng 135,1 nghìn người - 184,4 nghìn người; lao động trong lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp là 358 nghìn người – 331,9 nghìn người; khu vực dịch vụ 182,4 nghìn người – 221,3 nghìn người. Nhịp độ tăng trưởng của khu vực nông, lâm nghiệp giảm so với khu vực công nghiệp, xây dựng và dịch vụ. Lao động chưa có việc làm giai đoạn 2016 – 2020 giảm; sự gia tăng nhu cầu lao động trong lĩnh vực công nghiệp – xây dựng và dịch vụ sẽ kéo theo làn sóng di chuyển từ lao động nông nghiệp sang làm phi nông nghiệp tại địa phương.

Bảng 4. Nhu cầu sử dụng lao động tỉnh Trà Vinh đến năm 2020

Chỉ tiêu	2010	2015	2020	Nhịp độ tăng trưởng (%)		
				2006-2010	2011-2015	2016-2020
Tổng lao động (nghìn người)	*723,3*	*750,7*	*776,2*	1,3	0,7	0,7
a) - LĐ có việc làm	615	675,4	737,5	1,8	1,9	1,8
% so với tổng số	85,0	90,0	95,0			
1- Công nghiệp-Xây dựng	*17,2*	*20,0*	*25,0*	13,7	5,0	6,4
2- Nông - lâm nghiệp	350,6	358,0	331,9	-2,9	0,4	-1,5
3. Dịch vụ	158,7	182,4	221,3	9,6	2,8	3,9
b) - LĐ chưa có việc làm	108,3	75,3	38,7	-1,0	-7,0	-12,5
% so tổng số	*15,0*	*10,0*	*5,0*			

Nguồn: Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Trà Vinh đến năm 2020

d) Sự phát triển của hệ thống hỗ trợ việc làm

Ở Trà Vinh có hơn 12 tổ chức của Nhà nước tham gia vào công tác đào tạo nghề và giải quyết việc làm tại địa phương như: Sở Lao động Thương binh và Xã hội, Phòng Lao động Việc làm tại các huyện, xã, trường cao đẳng nghề, trung tâm dạy nghề và giới thiệu việc làm huyện, trung tâm giới thiệu việc làm, trung tâm nghiên cứu khoa học và sản xuất dịch vụ - CSP (Trường Đại học Trà Vinh), trung tâm đào tạo kỹ thuật nghiệp vụ giao thông vận tải, trung tâm chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, Công ty TNHH Trường Giang, chi nhánh Công ty TNHH Thành Phúc,...và một số công ty, hợp tác xã, cơ sở sản xuất tham gia dạy nghề theo hình thức kèm cặp, truyền nghề tại cơ sở và giải quyết việc làm tại chỗ.

Hoạt động của hệ thống dịch vụ việc làm của Trà Vinh rất đa dạng và phong phú góp phần giải quyết được việc làm mới hàng năm trên 28.000 lao động.

e) Có sự quan tâm của các nhóm xã hội

Nhà nước, nhà nông, nhà doanh nghiệp, nhà khoa học đang tham gia vào công tác giải quyết việc làm cho nông dân, sẽ tạo ra triển vọng về giải quyết việc làm cho nông dân tỉnh Trà Vinh trong 5 năm tới.

Những yếu tố trên chính là những nhu cầu cấp thiết nhằm lôi kéo lực lượng lao động nông nghiệp sang làm phi nông nghiệp ở nông thôn tỉnh Trà Vinh.

3.1.3. Thách thức và dự báo những tác động tiêu cực đến việc làm phi nông nghiệp của lao động nông thôn tỉnh Trà Vinh

a) Thách thức

Chất lượng việc làm chưa cao, tính ổn định, bền vững trong việc làm thấp, hiệu quả tạo việc làm còn thấp; nhu cầu có việc làm vẫn là vấn đề bức xúc của xã hội; lao động ở khu vực nông thôn chiếm chủ yếu 84,67% gây sức ép lớn về giải quyết việc làm.

Đại bộ phận lao động nông thôn hiểu biết rất ít về các lĩnh vực kinh doanh phi nông nghiệp do người lao động quen làm nông nghiệp. Điều này đã làm hạn chế người nông dân chuyển đổi sang các nghề phi nông nghiệp.

Do đó, hiện nay ở một số việc đòi hỏi trình độ cao, nhiều doanh nghiệp ở Trà Vinh không tuyển được lao động tại địa phương thuộc các ngành công nghiệp, dịch vụ và xây dựng.

Hạn chế về cơ sở hạ tầng, dịch vụ thông tin thị trường lao động cũng góp phần gây khó khăn trong giải quyết việc làm cho người lao động.

Người dân chưa nắm bắt đầy đủ các thông tin về các chính sách ưu đãi đối với học nghề do chất lượng dạy nghề chưa đáp ứng nhu cầu của xã hội và yêu cầu phát triển ngày càng cao của sự nghiệp CNH, HĐH và hội nhập kinh tế quốc tế.

b) Dự báo những tác động tiêu cực đến lao động nông thôn

Lao động nông thôn bị mất việc làm, thiếu việc làm trở nên khá phổ biến do những yếu tố sau:

- Sự gia tăng dân số kéo theo việc thu hẹp diện tích đất nông nghiệp: do tốc độ tăng trưởng dân số tự nhiên trung bình hàng năm là 3,5% dẫn đến lực lượng lao động hàng năm cũng sẽ cung cấp cho thị trường lao động càng lớn, nếu không giải quyết kịp thời, con số lao động này ngày càng tăng cao.

- Do quá trình đô thị hóa cùng sự phát triển các khu – cụm khu công nghiệp tại nhiều vùng nông thôn: sự chuyển đổi nghề nghiệp của người dân không đáp ứng kịp thời với sự phát triển của quá trình đô thị hóa ở nông thôn làm gia tăng thất nghiệp và thiếu việc làm do đa số người lao động chủ yếu am hiểu về lĩnh vực nông nghiệp.

- Do tác động của quá trình công nghiệp hóa – hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn: Việc dần thay thế các thiết bị lạc hậu bằng các thiết bị kỹ thuật công nghệ cao làm cho nhu cầu lao động (về số lượng) trong khu vực này ngày càng giảm, khiến cho việc dôi dư lao động ở nông thôn càng gia tăng.

- Nhiều căn bệnh lạ sẽ xuất hiện do ô nhiễm môi trường: Do sự phát triển của các ngành nghề phi nông nghiệp kéo theo các nguy cơ như: nguy cơ cháy, nổ, nạn ô nhiễm môi trường nước – đất – không khí do chất thải, rác công nghiệp,... từ đó xuất hiện những căn bệnh lạ và nặng làm gánh nặng cho gia đình hộ nông dân ở nông thôn, đặc biệt là lao động nghèo dẫn đến mất việc làm (ví dụ: bệnh ung thư).

- Thị trường lao động ở thành phố, thị trấn sẽ tiếp tục gia tăng nhân lực từ nguồn lao động dôi dư của nông thôn. Vì mưu sinh, người nông dân có thể đến mọi nơi, chấp nhận làm mọi việc với điều kiện sống khó khăn để có thêm thu nhập; tệ nạn xã hội theo đó cũng gia tăng, tỷ lệ di cư cao. Bức xúc xã hội vẫn gia tăng nếu chưa được giải quyết.

3.2. Phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và nguy cơ của lao động nông thôn trong việc tham gia vào việc làm phi nông nghiệp tại tỉnh Trà Vinh

Bảng 5. Phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và nguy cơ của lao động nông thôn trong việc tham gia vào việc làm phi nông nghiệp tại tỉnh Trà Vinh được phân tích bằng ma trận SWOT

	Cơ hội (O)	Nguy cơ (T)
SWOT	1. Chính sách hỗ trợ việc làm hoạt động tích cực. 2. Các cơ sở đào tạo phát triển. 3. Khu công nghiệp, doanh nghiệp được mọc lên, làng nghề phục hồi. 4. Các công ty giày da, may mặc đang phát triển. 5. Dự án phát triển ngành nghề phi nông nghiệp được đầu tư.	1. Lao động nữ khó tiếp cận được ngành nghề phi nông nghiệp. 2. Bị lạc hậu. 3. Đào tạo chưa đáp ứng yêu cầu. 4. Giá thuê mướn thấp. 5. Số lượng lao động nữ khoảng từ ≥ 45 tuổi khó có cơ hội tìm kiếm việc làm phi nông nghiệp. 6. Khó khăn tiếp cận việc làm ở trình độ cao . 7. Chính sách việc làm không hiệu quả với người lười biếng.

Điểm mạnh (S)	SO: Phát triển thu nhập	ST: Chọn việc làm phù hợp
1. Lao động nông thôn dồi dào hơn, lao động trẻ đông. 2. Người dân cần cù, chịu khó, giữ gìn bản sắc dân tộc. 3. Hăng say, sáng tạo, ham học hỏi. 4. Làm thủ công, lao động chân tay. 5. Có kiến thức về trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản	S1,2,3,4+O3->Tham gia vào các làng nghề phi nông nghiệp tại địa phương. S2,4+ O4,5->Tham gia vào các doanh nghiệp tuyển lao động phổ thông (giày da, may, đan, dệt). S3+O2->Học tập nâng cao trình độ chuyên môn, đáp ứng nhu cầu cao.	S3,4+T1,5->Tạo việc làm tại chỗ hoặc chọn công việc gần nhà đối với lao động nữ. S1, 2,3 + T7->Tích cực, siêng năng, chủ động trong công việc. S3+ T2,6->Tìm việc làm phù hợp trong các ngành nghề lao động chân tay.
Điểm yếu (W)	**WO: Phát triển bản thân thông qua chương trình đào tạo, tìm kiếm sự hỗ trợ**	**WT: Chiến lược cải thiện bản thân**
1. Trình độ văn hóa thấp. 2. Thiếu kinh nghiệm làm phi nông nghiệp. 3. Thiếu vốn 4. Thiếu kiến thức về đầu tư. 5. Chủ quan, ỷ lại, thích được hỗ trợ, lười lao động.	W1,2,4+O2->Tham gia đào tạo nâng cao trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn kỹ thuật. W3+O1,4,5-> Vào các công ty tuyển dụng trình độ phổ thông, tận dụng sự hỗ trợ từ chính sách việc làm.	W5+T7-> Tích cực, siêng năng, ham học hỏi, chủ động, yêu lao động. W1,2,3,4,5+T2,3,4,6->yêu lao động, thể hiện sự trung thực, siêng năng.

3.3. Đề xuất giải pháp tạo việc làm phi nông nghiệp cho lao động ở nông thôn tỉnh Trà Vinh

3.3.1. Giải pháp tạo ra cơ hội giúp lao động nông thôn tiếp cận được việc làm phi nông nghiệp tại tỉnh Trà Vinh

Thứ nhất, phát triển mạng lưới đào tạo và đa dạng hóa các hoạt động đào tạo

Đào tạo và giáo dục không chỉ giúp người lao động nâng cao tay nghề mà còn thay đổi tư duy, nhận thức của người lao động nông thôn. Chính vì vậy phát triển đa dạng mạng lưới đào tạo đến nông thôn, tiếp tục triển khai đa dạng các hoạt động đào tạo nghề; đào tạo tại nơi làm việc; đào tạo gắn với sử dụng lao động tại địa phương và tại doanh nghiệp. Tạo môi trường học tập suốt đời cho người dân nhằm phát huy phong trào học tập của lao động nông thôn.

Ưu tiên định hướng đào tạo nguồn nhân lực trong từng ngành nghề cụ thể như đào tạo ngành công nghiệp; đào tạo lao động nông thôn ngành thương mại, dịch vụ, du lịch; tăng cường đào tạo người lao động nông thôn có tư duy quản lý, chủ doanh nghiệp, thành lập chương trình "lập nghiệp ở nông thôn".

Thứ hai, thu hút và khuyến khích đầu tư nước ngoài vào các khu công nghiệp tại địa phương như Long Đức, Cầu Quang, Cổ Chiên để tạo việc làm cho lao động nông thôn trong một số ngành nghề thuộc các khu công nghiệp mới nhằm tạo ra những bước chuyển biến rõ rệt về cơ cấu lao động. Tỉnh Trà Vinh nên có những chương trình thu hút đầu tư như miễn, giảm thuế và chi phí sử dụng đất cho các nhà đầu tư có nhu cầu sử dụng lớn lực lượng lao động phổ thông ở nông thôn.

Thứ ba, phát triển các ngành công nghiệp, dịch vụ và du lịch

Phát triển một số ngành công nghiệp dệt, may, giày da; công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng; công nghiệp cơ khí, điện và điện tử ở nông thôn; công nghiệp chế biến nông, lâm sản, thực phẩm; đầu tư phát triển tiểu thủ công nghiệp và làng nghề phục vụ xuất khẩu. Tập trung phát triển các ngành công nghiệp chế biến có lợi thế cạnh tranh, có khả năng sử dụng nguồn nguyên liệu tại chỗ và các tỉnh lân cận để thực hiện chế biến sâu và xuất khẩu; phát triển mạnh các loại dịch vụ có chất lượng cao; kết hợp sản xuất nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề, các ngôi chùa nổi tiếng ở nông thôn với du lịch.

Thứ tư, phát triển trung tâm thương mại

Căn cứ vào quy mô lưu thông hàng hóa, điều kiện phát triển kinh tế thương mại của tỉnh, dân số đô thị, mức tiêu dùng dân cư, cơ cấu, thói quen tiêu dùng...đòi hỏi sự phát triển tương ứng các loại hình

kinh doanh thương mại và dịch vụ theo hướng văn minh, hiện đại, trong đó có trung tâm thương mại nhằm tạo một thói quen tiêu dùng văn minh ở nông thôn tỉnh Trà Vinh. Phát triển trung tâm thương mại tại 3 vị trí: Trung tâm thương mại tại huyện Cầu Kè, huyện Duyên Hải và thành phố Trà Vinh; 3 trung tâm thương mại kết hợp với nhau thành 1 hình tam giác cân đối nhằm đáp ứng tốt các nhu cầu cho người dân tại địa phương.

Thứ năm, phát triển các trang trại ở nông thôn

Phát triển của trang trại sẽ góp phần quan trọng trong tạo việc làm ở nông thôn tỉnh Trà Vinh; những trang trại có quy mô lớn còn thuê nhiều lao động làm việc bên cạnh những lao động gia đình. Trang trại thường sản xuất, kinh doanh theo mô hình tổng hợp, kết hợp chăn nuôi, trồng trọt, ao cá...nên có nhu cầu việc làm thường xuyên trong năm, điều này rất phù hợp cho lao động ở nông thôn có kiến thức về lĩnh vực nông nghiệp, biến sản phẩm nông nghiệp thành những hàng hóa chất lượng, phục vụ cho nhu cầu trong nước và quốc tế.

Thứ sáu, phát triển công nghệ thông tin đặc biệt là internet. Ngày nay người dân hiện đại dựa vào sự phát triển của công nghệ thông tin, muốn phát triển những ngành nghề phi nông nghiệp không thể không phát triển internet. Internet sẽ góp phần phát triển kiến thức của người lao động nông thôn, phát triển thị trường lao động ở nông thôn, giúp các doanh nghiệp, người lao động ở nông thôn tỉnh Trà Vinh tiếp cận với kiến thức và công nghệ quốc tế.

3.3.2 Giải pháp nâng cao điểm mạnh và tối thiểu hóa điểm yếu cho lao động nông

Thứ nhất, chiến lược phát triển thu nhập

Lao động nông thôn tham gia vào các làng nghề phi nông nghiệp tại địa phương; tham gia vào các doanh nghiệp tuyển lao động phổ thông (giày da, may, đan) và luôn học tập nâng cao trình độ chuyên môn, đáp ứng nhu cầu cao của các công ty, doanh nghiệp.

Thứ hai, chiến lược lựa chọn việc làm phù hợp

Lao động nông thôn nên tích cực tìm việc làm phù hợp trong các ngành nghề lao động chân tay, tăng cường tính tích cực, siêng năng, chủ động trong công việc. Lao động nữ ở nông thôn nên tự tạo việc làm tại chỗ, hoặc chọn công việc gần nhà sẽ phù hợp với đặc điểm bản thân vừa làm việc vừa lo cho gia đình...

Thứ ba, chiến lược cải thiện và phát triển bản thân thông qua chương trình đào tạo, tìm kiếm sự hỗ trợ của chính sách việc làm và lựa chọn việc làm phù hợp

Lao động nông thôn cần thể hiện đức tính cần cù, siêng năng, ham học hỏi, chủ động, yêu lao động và tính trung thực cao; tham gia đào tạo nâng cao trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn kỹ thuật từ các chương trình đào tạo tại chỗ hoặc tại các cơ sở giáo dục trong tỉnh và tham gia tập huấn các mô hình phát triển kinh tế tại địa phương; lao động nông thôn nên chọn lựa những công việc phù hợp, tìm các công ty tuyển dụng trình độ phổ thông, tận dụng sự hỗ trợ của chính sách việc làm tại địa phương.

4. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Nông thôn là nơi phát triển tiềm năng của các khu công nghiệp, ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, làng nghề, giày da và may mặc...Ngày nay, đã có sự chuyển biến tích cực về cơ cấu việc làm từ khu vực nông nghiệp sang công nghiệp và dịch vụ. Do đó, phát triển ngành nghề phi nông nghiệp ở nông thôn là giải pháp tất yếu ở hầu hết các nước đang phát triển.

Người lao động nông thôn muốn có việc làm cần phải thực hiện một số giải pháp sau: thực hiện chiến lược phát triển thu nhập; chiến lược lựa chọn việc làm phù hợp; phát triển bản thân thông qua chương trình đào tạo, tìm kiếm sự hỗ trợ của chính quyền địa phương và cuối cùng là chiến lược cải thiện bản thân, người lao động luôn thể hiện sự tích cực, siêng năng, yêu lao động sẽ luôn luôn có được kết quả cao trong công việc.

Chính quyền địa phương cần đa dạng các hình thức đào tạo nghề cho lao động ở nông thôn, mở rộng chi nhánh đào tạo ở các huyện, các xã vùng sâu, vùng xa để đào tạo nghề cho lao động nông thôn; chủ động đào tạo nghề thông qua liên kết với các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh; đào tạo gắn với việc sử dụng lao động; tổ chức các lớp dạy nghề tại chỗ cho lao động lớn tuổi, lao động không có điều kiện đi học tập trung và không muốn xa quê hương làm việc.

Sở Lao động, Thương binh & Xã hội sớm nghiên cứu, mở sàn giao dịch việc làm ở các địa phương; sử dụng các phương tiện thông tin đại chúng đặc biệt là internet để cung cấp các thông tin cho người lao

động tại các trung tâm giới thiệu việc làm, sàn giao dịch việc làm có thể đặt tại trụ sở mỗi huyện, xã để người lao động ở nông thôn biết các thông tin về việc làm tại địa phương...

Thu hút các nhà đầu tư cùng với phát triển các làng nghề truyền thống là những cách giúp lao động ở nông thôn có được việc làm tại chỗ. Để làm được việc này, Nhà nước cần có những chính sách động viên, thu hút các thành phần kinh tế đầu tư vào những nơi còn khó khăn, cần có chính sách ưu đãi đầu tư như miễn giảm thuế sử dụng đất đai, thuế thu nhập doanh nghiệp trong nhiều năm.

Phát triển hệ thống thông tin tại địa phương như internet, mạng xã hội giúp người lao động nắm bắt nhanh các thông tin về thị trường lao động, việc làm và linh hoạt trong việc lựa chọn nghề nghiệp, họ có thể học hỏi những nghề nghiệp trên mạng, tự đào tạo để phù hợp với nhu cầu thực tế mà không cần phải đến trường.

Tỉnh Trà Vinh cần có những dự án, chương trình hỗ trợ lao động ở nông thôn tự tạo việc làm thông qua các sản phẩm, đặc sản tại quê nhà...

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cục Thống kê tỉnh Trà Vinh, 2014. Niên giám Thống kê tỉnh Trà Vinh. Nhà Xuất bản Thanh niên, TP.HCM, 334 trang.

2. Nguyễn Hữu Minh, 2013. Việc làm lao động nông thôn: Thực trạng và giải pháp. Tạp chí Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương. Tháng 8, trang 37 – 41.

3. Nguyễn Hoài Nam và Mai Ngọc Cường, 2012. Việc làm lao động nông thôn Việt Nam trong thời kỳ hội nhập. Tạp chí Nghiên cứu kinh tế. Số 407, trang 50 – 56.

3. Nguyễn Thị Thơm và Phí Thị Hằng, 2009. Giải quyết việc làm cho lao động nông nghiệp trong quá trình đô thị hóa. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 237 trang.

4. Sở Lao động, Thương binh & Xã hội tỉnh Trà Vinh. Báo cáo tổng kết năm 2006, 2010 – 2014.

5. Sở Công thương. Báo cáo về khôi phục và phát triển làng nghề tại tỉnh Trà Vinh năm 2013.

5. Trần Thị Minh Ngọc, 2009. Việc làm của nông dân trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa vùng ĐBSH đến năm 2020. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 357 trang.

6. Thủ tướng Chính phủ (2009), Chỉ thị số 751/CT-TTg về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011 – 2015 tại tỉnh Trà Vinh của Thủ tướng Chính phủ.

CREATING NON-FARM WORK TO RURAL LABORS IN TRA VINH PROVINCE

Nguyen Thi Cam Loan, Bui Van Trinh,
Huynh Thanh Nha

Summary

The results show that rural labors are exposed to a great number of opportunities of taking non-farm work despite big barriers from low education and technique level, the demand of highly qualified labors, the increase of population and the rare update from the work market. In order to bring non-farm work to rural labors, the followings need to be done: (1) create opportunities for rural labors to approach non-farm work, including developping education and training network and varifying training activities, attracting and encouraging foreign investments into local industrial zones, developing industry, service and tourism, developing rural farms and information technology especially Internet; (2) maximize the strong points and minimize the weak points for rural labors, inlcuding making strategies for income improvement, improving and developing oneself through education programs, looking for support from job policies and choosing appropriate jobs.

Key words: *Employment, non-farm work, rural employment, solution of employment.*

Người phản biện: GS.TS. Nguyễn Văn Song

Ngày nhận bài: 20/10/2015

Ngày thông qua phản biện: 20/11/2015

Ngày duyệt đăng: 27/11/2015